

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI**NGÂN SÁCH QUÍ 1 NĂM 2022**

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện năm	So sánh	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
1	Số thu phí, lệ phí	611	620	1.360	1.360
1,1	Lệ phí	-	-	-	-
1,2	Phí	611	620	1.360	1.360
	Học phí	-	9	333	333
	Tin học	170	170	83	83
	Dạy học buổi 02	107	107	170	170
	Anh văn bản xứ	178	178	454	454
	Stem	156	156	320	320
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	388	388	1.262	1.262
2,1	Chi sự nghiệp	388	388	1.262	1.262
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	388	388	1.262	1.262
	Học phí	5	5	333	333
	Tin học	103	103	82	82
	Dạy học buổi 02	65	65	170	170
	Anh văn bản xứ	131	131	415	415
	Stem	84	84	262	262
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2,2	Chi quản lý hành chính	-	-		-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-	-		-

3,1	Lệ phí	-	-	-	-
	Lệ phí A	-	-	-	-
	Lệ phí B	-	-	-	-
3,2	Phí				
II	Dự toán thu - chi ngân sách nhà nước	8.440	8.440	7.960	7.960
1	Thu NSNN	10.460	10.460	10.030	10.030
2	Chi quản lý hành chính	2.020	2.020	2.070	2.070
2,1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	2.020	2.020	2.070	2.070
2,2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	-	-	-	-
3	Nghiên cứu khoa học	-	-	-	-
3,1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-	-	-	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	-	-	-	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	-	-	-	-
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	-	-	-	-
3,2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-	-	-	-
3,3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-
4	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	-	-	-	-
4,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-
4,1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-
5	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	-	-	-	-
5,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-
5,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-
6	Chi bảo đảm xã hội	-	-	-	-
6,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-	-
6,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-	-
7	Chi hoạt động kinh tế	-	-	-	-

7,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-
7,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-
8	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	-	-	-
8,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-
8,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-
9	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	-	-	-
9,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-
9,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-
10	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-	-	-
10,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-
10,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-
11	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	-	-	-
11,1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-	-
11,2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	-	-	-
12	Chi Chương trình mục tiêu	-	-	-
12,1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	-	-	-
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	-	-	-
12,2	Chi Chương trình mục tiêu	-	-	-
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)			

Ngày 05 tháng 04 năm 2022


HIỆU TRƯỞNG
 NGÔ LẬP THU

Được quét bằng CamScanner